

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2021 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm đã thụ lý số 441/2019/TLST-DS ngày 06/5/2019 về việc “Tranh chấp thừa kế”,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

**Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T – Sinh năm 1963;

Địa chỉ: 16/6, Khu phố 4, phường TCH, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C – Sinh năm 1969;

Địa chỉ: 16/6, Khu phố 4, phường TCH, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Nguyễn Thị B – Sinh năm 1953;

Địa chỉ: 340/84, Khu phố 4, phường TCH, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Trần Thị C – Sinh năm 1975;

Địa chỉ: 16/6, Khu phố 4, phường TCH, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các đương sự thống nhất phân chia tài sản thừa kế do ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị Th chết để lại là phần nhà đất có diện tích 674.7m² thuộc thửa đất số 11, 41 tờ bản đồ số 27 Bộ địa chính phường TCH, Quận 12 (theo tài liệu năm 2005), nhằm thửa 1715, 1716 tờ bản đồ thứ 1 Bộ địa chính xã TCH, huyện Hóc Môn (theo tài liệu chính lý năm 1991), nay thuộc phường TCH, Quận 12, theo

Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 175 (bản cấp cho chủ sở hữu) do Ủy ban nhân dân Quận 12 cấp ngày 16/01/2004, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00785/QSĐĐ/Q12/1998 do Ủy ban nhân dân Quận 12 cấp ngày 14/12/1998, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00959/QSĐĐ/Q12/1999 do Ủy ban nhân dân Quận 12 cấp ngày 26/7/1999 và Bản đồ hiện trạng vị trí-áp ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường TP. HCM xác lập ngày 09/12/2020 như sau:

2.1. Ông Nguyễn Văn T được quyền sở hữu phần nhà đất có diện tích 362,2m², tại vị trí số (2), (3), (4), (5), (6) của bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường TP. HCM xác lập ngày 09/12/2020 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 175 (bản cấp cho chủ sở hữu) do Ủy ban nhân dân Quận 12 cấp ngày 16/01/2004, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00785/QSĐĐ/Q12/1998 do Ủy ban nhân dân Quận 12 cấp ngày 14/12/1998, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00959/QSĐĐ/Q12/1999 do Ủy ban nhân dân Quận 12 cấp ngày 26/7/1999.

2.2. Ông Nguyễn Văn C được quyền sử dụng phần đất có diện tích 171,3m², tại vị trí số (1) của bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường TP. HCM xác lập ngày 09/12/2020 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00785/QSĐĐ/Q12/1998 do Ủy ban nhân dân Quận 12 cấp ngày 14/12/1998 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00959/QSĐĐ/Q12/1999 do Ủy ban nhân dân Quận 12 cấp ngày 26/7/1999.

2.3. Bà Nguyễn Thị B được quyền sử dụng phần đất có diện tích 141,2m², tại vị trí số (7) của bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường TP. HCM xác lập ngày 09/12/2020 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00785/QSĐĐ/Q12/1998 do Ủy ban nhân dân Quận 12 cấp ngày 14/12/1998 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00959/QSĐĐ/Q12/1999 do Ủy ban nhân dân Quận 12 cấp ngày 26/7/1999.

Việc thực hiện các phần nội dung trên do các đương sự thực hiện hoặc thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đã giao nộp cho Tòa án bản chính các giấy tờ sau:

- Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn nộp:

+Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00959/QSĐĐ/Q.12/1999 do Ủy ban nhân dân Quận 12, TP. HCM cấp ngày 26/7/1999 cho bà Nguyễn Thị T.

+Bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 175 do Ủy ban nhân dân Quận 12, TP. HCM cấp ngày 16/01/2004 cho ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị T.

- Tài liệu, chứng cứ do bị đơn nộp:

+Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00785/QSĐĐ/Q12/1998 do Ủy ban nhân dân Quận 12, TP. HCM cấp ngày 14/12/1998 cho bà Nguyễn Thị T.

Để đảm bảo cho việc thi hành án, Tòa án nhân dân Quận 12, TP. HCM sẽ chuyển giao toàn bộ các giấy tờ bản chính nêu trên cho Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, TP. HCM.

4. Về án phí:

4.1 Ông Nguyễn Văn T được phân chia phần nhà đất có diện tích tổng cộng là 362,2m². Trong đó đất ở là 118,4m² đất nông nghiệp là 243,8m² và toàn bộ công trình xây dựng trên đất, nên án phí được tính như sau: Đất ở 118,4m² x 50.000.000 đồng = 5.920.000.000 (năm tỷ chín trăm hai mươi triệu) đồng, đất nông nghiệp 243,8m² x 3.600.000 đồng = 877.680.000 (tám trăm bảy mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi ngàn) đồng và công trình xây dựng trên đất 134.491.500 (một trăm ba mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi một ngàn năm trăm) đồng. Do vậy, ông Nguyễn văn T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch trên tổng số tiền 5.920.000.000 đồng + 877.680.000 đồng + 134.491.500 đồng = 6.932.171.500 (sáu tỷ chín trăm ba mươi hai triệu một trăm bảy mươi một ngàn năm trăm) đồng, án phí có giá ngạch là 114.932.172 (một trăm mười bốn triệu chín trăm ba mươi hai ngàn một trăm bảy mươi hai) đồng, được giảm $\frac{1}{2}$ nên án phí phải nộp là 57.466.086 (năm mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi sáu ngàn không trăm tám mươi sáu) đồng, nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp là 21.000.000 (hai mươi một triệu) đồng theo biên lai số 0025419 ngày 06/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12. Ông Nguyễn Văn T còn phải nộp thêm án phí là 36.466.086 (ba mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi sáu ngàn không trăm tám mươi sáu) đồng.

4.2 Ông Nguyễn Văn C được phân chia phần đất có diện tích là 171,3m² x 3.600.000 đồng = 616.680.000 (sáu trăm mười sáu triệu sáu trăm tám mươi ngàn) đồng, án phí có giá ngạch là 28.667.200 (hai mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi bảy ngàn) đồng, được giảm $\frac{1}{2}$ nên án phí phải nộp 14.333.600 (mười bốn triệu ba trăm ba mươi ba ngàn sáu trăm) đồng.

4.3 Bà Nguyễn Thị B được phân chia phần đất có diện tích là 141,2m² x 3.600.000 đồng = 508.320.000 (năm trăm lẻ tám triệu ba trăm hai mươi ngàn) đồng, án phí có giá ngạch là 24.332.800 (hai mươi bốn triệu ba trăm ba mươi hai ngàn tám trăm) đồng, được giảm $\frac{1}{2}$ nên án phí phải nộp 12.166.400 (mười hai triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn bốn trăm) đồng. Theo quy định của pháp luật, bà Nguyễn Thị B là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên không phải chịu án phí sơ thẩm.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

THẨM PHÁN

- TAND TP.HCM
- VKSND Quận 12;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 12;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hoàng Thị Túy Như